

Chế định loại trừ trách nhiệm hình sự và những yêu cầu đặt ra khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự Việt Nam

Trình Tiến Việt*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 5 tháng 10 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 10 năm 2013; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 12 năm 2013

Tóm tắt: Từ việc nghiên cứu thực trạng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự, tác giả phân tích những tồn tại, hạn chế và đề xuất những sửa đổi, bổ sung về chế định này, phục vụ yêu cầu mới của đất nước.

Từ khóa: Loại trừ trách nhiệm hình sự; sửa đổi Bộ luật hình sự.

1. Đặt vấn đề

Năm 1986, tại Đại hội lần thứ VI của Đảng, chủ trương đổi mới toàn diện đất nước được đặt ra. Cùng với cải cách hành chính, cải cách kinh tế thì cải cách tư pháp cũng là một đòi hỏi khách quan, cấp thiết và mang tính quy luật để có thể thích ứng với những đổi mới về văn hóa, kinh tế - xã hội, hệ thống chính trị... Do đó, vấn đề này đã chính thức được đặt ra tại các Đại hội sau đó của Đảng, đồng thời đã được đánh dấu và ghi nhận trong các văn bản như: Nghị quyết 8 Trung ương khóa VII, Nghị quyết 3 và 7 Trung ương khóa VIII, đặc biệt là Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02-01-2002 "*Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*" và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị "*Về Chiến*

lược cải cách tư pháp đến năm 2020". Cụ thể hóa điều này, đòi hỏi hệ thống pháp luật nói chung, trong đó có pháp luật hình sự nói riêng phải ngày càng hoàn thiện và thực sự là công cụ hữu hiệu của Nhà nước ta để bảo vệ một cách tối đa và đầy đủ nhất các quyền, tự do của con người và của công dân. Do đó, trước yêu cầu mới của đất nước và trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, hòa nhập với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa đòi hỏi chúng ta phải có nhiều biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả hơn mà một trong các biện pháp rất quan trọng là *hoàn thiện pháp luật hình sự*. Chính vì vậy, việc nghiên cứu *chế định loại trừ trách nhiệm hình sự* để có những cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện Bộ luật hình sự Việt Nam là yêu cầu cấp thiết trên *năm* phương diện sau đây.

*ĐT: 84-945586999

E-mail: viet180411@yahoo.com

a) *Về phương diện chính trị - xã hội*, nghiên cứu chế định loại trừ trách nhiệm hình sự để hoàn thiện Bộ luật hình sự Việt Nam chính là nhằm thực hiện nghiêm chỉnh một trong những nhiệm vụ cải cách tư pháp mà Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về "*Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020*" đã đề cập: "Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, *đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội... Khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm...*".

b) *Về phương diện lập pháp hình sự*, căn cứ Nghị quyết số 07/2011/QH13 ngày 06-8-2011 của Quốc hội khóa XIII về Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2012 và điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2011, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 433/NQ-UBTVQH13 ngày 30-12-2011 về việc thành lập Ban soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi). Điểm 1.2 tiêu mục 1 Phần IV - Định hướng cơ bản sửa đổi Bộ luật hình sự trong Đề cương định hướng sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự số 7724/ĐC-BSTBLHS (SĐ) ngày 24-9-2012 có nêu: "Sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật hình sự liên quan đến ***các chế định loại trừ trách nhiệm hình sự***, miễn trách nhiệm hình sự, miễn, giảm hình phạt, xóa án tích..."[1]. Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chế định loại trừ trách nhiệm hình sự là yêu cầu có tính cấp thiết.

c) *Về phương diện thực tiễn*, ngày 10-9-2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1236/QĐ-TTg về việc "*Phê duyệt Kế hoạch tổng kết thi hành Bộ luật hình sự năm 1999*". Theo đó, việc tổng kết này nhằm đánh giá một cách khách quan và toàn diện thực tiễn hơn mười năm thi hành Bộ luật hình sự năm 1999, trong đó có chế định loại trừ trách nhiệm

hình sự, từ đó đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự, góp phần đáp ứng yêu cầu mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm ổn định lâu dài, thúc đẩy phát triển của đất nước. Hiện nay, mặc dù một số trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự như: phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết và sự kiện bất ngờ được áp dụng nhiều trong thực tiễn, song thực tế cũng đặt ra nhiều trường hợp khác nhìn từ góc độ lợi ích xã hội, thì chúng là những hành vi là có ích, hoặc chí ít là các trường hợp không có hại cho xã hội, cho cộng đồng, thì rõ ràng, cần thiết phải được loại trừ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cùng với các chế định khác, loại trừ trách nhiệm hình sự cũng là một trong những chế định quan trọng, do đó, cũng cần được phân tích, tổng kết.

d) *Về phương diện đấu tranh phòng, chống tội phạm, tôn trọng quyền con người, quyền công dân*, việc nghiên cứu chế định loại trừ trách nhiệm hình sự không những góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các cán bộ trong cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, người bào chữa, trợ giúp pháp lý... để bảo đảm yêu cầu xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, mà còn nâng cao nhận thức của công dân trong xã hội về quyền và nghĩa vụ của mình - trường hợp nào thì hành vi gây thiệt hại cho xã hội phải chịu trách nhiệm hình sự, là hành vi sai trái; còn trường hợp nào thì không phải chịu trách nhiệm hình sự, là hành vi tích cực nên làm. Đặc biệt, qua đó còn phát huy tinh thần chủ động và tích cực của nhân dân trong công tác phòng, chống tội phạm và những vi phạm pháp luật, góp phần xây dựng một xã hội tiến bộ, công bằng, dân chủ, văn minh, thượng tôn pháp luật và ngày càng tôn trọng các quyền con người, quyền công dân.

đ) Về phương diện quốc tế, hiện nay, xu thế chung của pháp luật hình sự nước nước đòi hỏi trong luật ngày càng chứa đựng nhiều quy định, chế định mang tính nhân đạo hơn và dân chủ hơn, cho nên, việc nghiên cứu mở rộng một số trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự đang tồn tại trong thực tiễn xét xử và các nước quy định để bổ sung vào Bộ luật hình sự (sửa đổi) rõ ràng không nhằm ngoài yêu cầu này. Đặc biệt, đây còn là nội dung hoàn thiện chính sách hình sự, chính sách về quyền con người được đề cập trong Báo cáo Quốc gia "Về thực hiện quyền con người ở Việt Nam theo cơ chế kiểm điểm định kỳ phổ cập (UPR) chu kỳ II của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc" (tr.5).

Vì vậy, trong mục 2 dưới đây chúng tôi tập trung đánh giá thực trạng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đó tiếp tục đặt ra những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung.

2. Thực trạng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự

Điều 2 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009 (gọi tắt là Bộ luật hình sự) quy định: "*Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*". Như vậy, chỉ một người phạm một tội do Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam chỉ được áp dụng đối với thể nhân, pháp nhân không phải chịu trách nhiệm hình sự. Pháp luật Việt Nam quy định, một người phải chịu trách nhiệm hình sự khi đáp ứng đầy đủ cơ sở và những điều kiện của trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy có một số hành vi tuy về hình thức có các dấu hiệu cấu thành của một tội phạm cụ thể, nhưng về nội dung những hành vi đó lại chứa

đựng một số tình tiết làm loại trừ tính chất tội phạm của hành vi (hoặc tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi) hay nói cách khác, do thiếu ít nhất một trong các dấu hiệu cơ bản của tội phạm, nên hành vi ấy không bị coi là tội phạm và người thực hiện nó không phải chịu trách nhiệm hình sự (hay được loại trừ trách nhiệm hình sự).

Hiện nay, trong khoa học luật hình sự trong và ngoài nước có nhiều cách gọi khác nhau về tên gọi các trường hợp này⁽¹⁾. Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ "*loại trừ trách nhiệm hình sự*" cho đơn giản, dễ hiểu và phù hợp với thực tiễn xét xử. Hơn nữa, khi đề cập đến vấn đề "*trách nhiệm hình sự*" với tư cách là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm, thực tế thường dẫn đến ba khả năng sau đây: *một là*, phải chịu trách nhiệm hình sự; *hai là*, được miễn trách nhiệm hình sự hoặc; *ba là*, không phải chịu trách nhiệm hình sự hay được loại trừ trách nhiệm hình sự.

Như vậy, dưới góc độ khoa học, loại trừ trách nhiệm hình sự là trường hợp một người đã thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội, nhưng đối chiếu (căn cứ) vào các quy định của Bộ luật hình sự thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này. Nói một cách khác, trong hành vi của một người khi thực

⁽¹⁾ Ví dụ: 1. Các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi (Xem: GS. TSKH. Lê Văn Cẩm, Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005, tr.498); 2. Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự (Xem: PGS. TS. Nguyễn Ngọc Chí, Về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4-1999; ThS. Đinh Văn Quế, Bình luận khoa học về loại trừ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2009); 3. Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội và tính trái pháp luật hình sự (Xem: PGS. TS. Kiều Đình Thu, Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam, Nxb. Đồng Nai, 1998); 4. Trường Đại học Luật Hà Nội, Bộ luật hình sự Liên bang Nga, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2011; v.v...

hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội do không thỏa mãn ít nhất một trong các dấu hiệu cơ bản của tội phạm, nên tính chất tội phạm của hành vi đó được loại trừ, và logic tương ứng, người thực hiện nó không phải chịu trách nhiệm hình sự hay được loại trừ trách nhiệm hình sự.

Nói chung, trong khoa học luật hình sự Việt Nam đều thống nhất về bản chất pháp lý của chế định loại trừ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, với một cách tiếp cận đặc biệt, có nhà hoạt động thực tiễn mặc dù trước đó đã khẳng định sự khác nhau giữa loại trừ trách nhiệm hình sự với miễn trách nhiệm hình sự, song lại quan niệm rất rộng và khẳng định "*suy cho cùng miễn trách nhiệm hình sự cũng là không bị truy cứu trách nhiệm hình sự* (nếu người phạm tội không bị áp dụng biện pháp xử lý gì)" [2], nên tác giả xếp trường hợp miễn trách nhiệm hình sự thuộc nhóm thứ ba về các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự khác. Chúng tôi không tán thành quan điểm này, bởi lẽ, miễn trách nhiệm hình sự có bản chất pháp lý hoàn toàn khác với trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Rõ ràng, nếu hành vi của một người không thỏa mãn các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm nào đó trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự thì không thể đề cập đến cơ sở của trách nhiệm hình sự và logic đương nhiên là cũng không thể có cơ sở của miễn trách nhiệm hình sự. Nói một cách khác, không thể miễn trách nhiệm hình sự cho một người trên thực tế tại thời điểm họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật hình sự không quy định hành vi đó là tội phạm, hoặc tại điểm khi có hành vi phạm tội xảy ra, căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, người này không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Hiện nay, thuật ngữ "*loại trừ trách nhiệm hình sự*" duy nhất được sử dụng tại đoạn 2 Điều 53 Bộ luật hình sự về "*Quyết định hình*

phạt trong trường hợp đồng phạm". Ngoài ra, trong Bộ luật hình sự Việt Nam còn chỉ sử dụng một số thuật ngữ có nội dung tương đương và gắn với từng trường hợp cụ thể (mặc dù nội hàm chưa hoàn toàn đồng nhất) như: "*không phải là tội phạm*"; "*không phải chịu trách nhiệm hình sự*"; "*không có tội*"; v.v... khi đề cập đến *hậu quả pháp lý* của mỗi trường hợp tương ứng cụ thể trong Bộ luật này như sau:

a) Hành vi có tính chất nguy hiểm không đáng kể - thì *không phải là tội phạm* (khoản 4 Điều 8);

b) Sự kiện bất ngờ - thì *không phải chịu trách nhiệm hình sự* (Điều 11).

c) Người chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện - thì *không phải chịu trách nhiệm hình sự* (quy định *gián tiếp* trong Điều 12).

d) Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự - thì *không phải chịu trách nhiệm hình sự* (khoản 1 Điều 13).

đ) Phòng vệ chính đáng - thì *không phải là tội phạm* (Điều 15).

e) Tình thế cấp thiết - thì *không phải là tội phạm* (Điều 16).

Đặc biệt, trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự, các nhà làm luật nước ta còn quy định một trường hợp được coi là "*không có tội*" - "Người bị ép buộc đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác - thì được coi là *không có tội* và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ (khoản 6 Điều 289); v.v..."⁽²⁾.

⁽²⁾ Ngoài ra, các nhà làm luật nước ta còn quy định *gián tiếp* một số trường hợp cũng được loại trừ trách nhiệm hình sự như: a) Người chuẩn bị phạm một tội ít nghiêm trọng hoặc một tội nghiêm trọng, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện (đoạn 2 Điều 17); b) Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con,

Như vậy, theo chúng tôi, việc sử dụng thuật ngữ chưa thống nhất này với từng trường hợp cụ thể và xét về tổng thể thì giữa các thuật ngữ đã nêu với phạm trù "loại trừ trách nhiệm hình sự" không có gì mâu thuẫn. Bởi lẽ, suy cho cùng, thì hậu quả pháp lý hình sự mà người thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội đều giống nhau - không phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, tùy mỗi trường hợp cụ thể mà khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự mà việc bổ sung thêm cụm từ "loại trừ trách nhiệm hình sự" có cần thiết hay không.

Tóm lại, quy định vấn đề "loại trừ trách nhiệm hình sự" trong luật hình sự Việt Nam có ý nghĩa chính trị - xã hội và pháp lý rất quan trọng trong việc xác định ranh giới giữa tội phạm và không phải là tội phạm, bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật trong mỗi trường hợp tương ứng, cũng như phát huy tinh thần chủ động đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đặc biệt, trong số đó, lại có trường hợp được Nhà nước và xã hội khuyến khích, khen thưởng như: thực hiện hành vi trong phòng vệ chính đáng và trong tình thế cấp thiết vì chúng là những hành vi có ích cho xã hội, vì lợi ích chung của cộng đồng. Do đó, nghiên cứu thực trạng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự và thực tiễn áp dụng đặt ra *bảy* vấn đề cần sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Trường hợp hành vi có tính chất nguy hiểm không đáng kể (khoản 4 Điều 8 Bộ luật hình sự). Hiện nay, trong nội dung của trường hợp này chưa đề cập phạm vi của việc xử lý. Vì vậy, nên ghi nhận các biện pháp xử lý ở đây là **hành chính hoặc kỷ luật** khác. Bởi lẽ, "đã

bị xử lý hành chính" hoặc "đã bị xử lý kỷ luật" còn là dấu hiệu định tội trong nhiều cấu thành tội phạm của Bộ luật hình sự, nếu tái vi phạm lần thứ *hai* sẽ bị xử lý hình sự), hơn nữa, một trong những ranh giới phân biệt giữa tội phạm và vi phạm pháp luật khác chính là hành vi đó có tính chất nguy hiểm cho xã hội đáng kể hay không. Ngoài ra, nên ghi nhận **chủ thể** ở đây là **người thực hiện hành vi** bị xử lý bằng các biện pháp đó, cũng như chỉ cần nêu "**Hành** vi tuy có dấu hiệu..." là đầy đủ.

b) Trường hợp sự kiện bất ngờ (Điều 11 Bộ luật hình sự). Để tránh lặp lại về kỹ thuật lập pháp, nên thay cụm từ "sự kiện bất ngờ" trong nội dung điều luật bằng cụm từ "**không có lỗi**" để phản ánh chính xác bản chất pháp lý của trường hợp này, cũng như phù hợp với Bộ luật hình sự các nước trên thế giới (ví dụ: Điều 28 Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996, sửa đổi năm 2010 khi quy định rõ trường hợp "gây ra hậu quả nhưng không có lỗi" hay Điều 16 Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1997, sửa đổi năm 2005 khi quy định "không phải do lỗi cố ý hay lỗi vô ý").

c) Trường hợp chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (gián tiếp quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự). Trước hết, nên quy định bổ sung khoản 3 đề cập trực tiếp - "Người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự" để loại trừ trách nhiệm hình sự cho đối tượng này. Ngoài ra, căn cứ vào nội dung cho thấy chưa có sự thống nhất giữa Điều luật này với một số tội phạm cụ thể trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự⁽³⁾. Vì vậy, nên bổ sung

cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự về việc không tố giác tội phạm, trừ các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội đặc biệt nghiêm trọng (khoản 2 Điều 22 và khoản 2 Điều 314); v.v...

⁽³⁾ Ví dụ: Khoản 1 Điều 12 Bộ luật hình sự quy định "Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm...". Khoản 1 Điều 115 - Tội giao cấu với trẻ em lại quy định: "1. Người nào đã thành niên mà giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm..." là chưa thống nhất và logic.

nội dung "trừ trường hợp điều luật trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự có quy định khác" trong khoản 1 Điều 12 Bộ luật hình sự.

d) Trường hợp phòng vệ chính đáng (Điều 15 Bộ luật hình sự). Về trường hợp này, trước đây, Bộ luật hình sự năm 1985 sử dụng thuật ngữ "*tương xứng*", còn nay thay bằng "*cần thiết*", qua đó để khuyến khích, động viên quần chúng nhân dân tích cực tham gia đấu tranh, ngăn chặn tội phạm, cũng như tạo ra sự chủ động của người trong cuộc tự đánh giá để quyết định biện pháp chống trả trước những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Tuy nhiên, kể từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến nay, các nhà làm luật Việt Nam vẫn chưa có hướng dẫn chính thức về cụm từ "*cần thiết*" mà vẫn sử dụng hướng dẫn trong Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 05-01-1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*" về cụm từ "*tương xứng*" trong chế định phòng vệ chính đáng của Bộ luật hình sự năm 1985.

đ) Trường hợp tình thế cấp thiết (Điều 16 Bộ luật hình sự). Để tránh lặp lại "*Tình thế cấp thiết là tình thế...*", cũng như đoạn 2 Điều 16 Bộ luật hình sự đã quy định "*Hành vi* gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm", do đó, nên sửa đổi thành "Tình thế cấp thiết là *hành vi* của người vì muốn tránh..." cho phù hợp với lý luận, thực tiễn xét xử và Bộ luật hình sự các nước trên thế giới (ví dụ: Điều 21 Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1997, sửa đổi năm 2005, Điều 34 Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức năm 2009; v.v...).

e) *Cần nghiên cứu bổ sung bảy trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự khác vào Bộ luật hình sự.* Như vậy, bên cạnh các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình

sự (đã nêu), thì trước yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, thực tiễn xét xử và tham khảo kinh nghiệm các nước trên thế giới (đặc biệt là Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996, sửa đổi năm 2010), cũng như nhiều nhà khoa học - luật gia trong nước đã đề xuất bổ sung [3, 4, 5, 6], khi hoàn thiện Bộ luật hình sự cần ghi nhận những tình tiết mới sau đây cũng nên được loại trừ trách nhiệm hình sự để bảo đảm tốt hơn nữa lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, quyền lợi của công dân. Ngoài ra, điều này còn nâng cao nhận thức của công dân trong xã hội về quyền và nghĩa vụ của mình - trường hợp nào thì hành vi gây thiệt hại cho xã hội phải chịu trách nhiệm hình sự, là hành vi sai trái, đi ngược lại lợi ích chung của xã hội; còn trường hợp nào thì không phải chịu trách nhiệm hình sự, là hành vi có ích, tích cực và xã hội khuyến khích nên thực hiện, qua đó phát huy tinh thần chủ động, tích cực đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong xã hội. Lý giải về những trường hợp này như sau:

* *Sự kiện bất khả kháng.* Việc ghi nhận trường hợp này trong Bộ luật hình sự và không buộc một người thực hiện hành vi trong trường hợp bất khả kháng phải chịu trách nhiệm hình sự tương tự như trường hợp *sự kiện bất ngờ*, bởi vì họ không còn khả năng xử sự nào khác, nên cũng xem họ không có lỗi. Đối với trường hợp sự kiện bất ngờ, thì khi gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội, một người đã không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó. Trong khi đó, đối với trường hợp sự kiện bất khả kháng, một người mặc dù có thể nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội (khác với sự kiện bất ngờ), song do điều kiện khách quan, trình độ nhận thức, độ tuổi, các tình tiết cụ thể... mà bất kỳ ai vào trong điều kiện của họ đều không thể điều khiển hành vi của mình do hạn chế đặc biệt về tâm-sinh lý,

do hoàn cảnh bức thiết hay không còn biện pháp nào để ngăn chặn được hậu quả đó, có nghĩa không có lựa chọn nào khác mặc dù họ vẫn muốn thực hiện hành vi tích cực, có ích cho xã hội. Vì vậy, quy định bổ sung trường hợp "*sự kiện bất khả kháng*" còn góp phần giải quyết những tình huống cụ thể hay xảy ra trong lĩnh vực sử dụng máy móc, trang thiết bị, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông đường bộ, y tế... Hơn nữa, riêng trường hợp này, trong các văn bản luật chuyên ngành đã quy định (ví dụ: Điều 161 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 294-296 Luật Thương mại năm 2005; Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2013), cũng như Bộ luật hình sự các nước đều gộp chung vào trường hợp sự kiện bất ngờ (ví dụ: Điều 16 Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1997, sửa đổi năm 2005 hay Điều 28 Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996, sửa đổi năm 2010 v.v..).

* *Người không có lỗi trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác gây thiệt hại cho xã hội.* Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự" (Điều 14). Như vậy, trước hết phải thừa nhận là "người trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác thường bị rối loạn tâm thần, khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi có thể bị hạn chế hoặc bị loại trừ" [7]. Hơn nữa, trước khi say rượu hoặc dùng chất kích thích mạnh khác, người này là người bình thường, họ tự đặt mình vào trong tình trạng đó, nên họ phải chịu trách nhiệm hình sự, vì họ vẫn là người có năng lực trách nhiệm hình sự và có lỗi trước khi sử dụng rượu hay chất kích thích mạnh khác. Ngoài ra, nội dung của Điều 14 Bộ luật hình sự dùng là "người phạm tội...". Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, có những trường hợp một người do bị người khác ép buộc, cưỡng bức dùng rượu hoặc

chất kích thích mạnh khác dẫn đến không có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình nên đã có hành vi gây thiệt hại cho xã hội, thì rõ ràng, họ không có lỗi (trong việc sử dụng, trong việc say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác) - nên cần thiết phải loại trừ trách nhiệm hình sự cho họ.

* *Gây thiệt hại hợp pháp khi bắt người phạm tội.* Khi nghiên cứu về trường hợp này, khi bắt giữ người mà gây ra thiệt hại hợp pháp, có nhà hoạt động thực tiễn nêu quan điểm cho rằng, "việc bắt người phạm tội quả tang hoặc đang có lệnh truy nã nếu cần thiết phải dùng vũ lực với họ, thì có thể căn cứ vào chế định phòng vệ chính đáng hoặc tình thế cấp thiết là giải quyết được vấn đề này" [5]. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, nếu chỉ dựa vào chế định phòng vệ chính đáng hoặc tình thế cấp thiết thì chưa bao quát hết các trường hợp gây thiệt hại khi bắt người phạm tội, vì việc bắt người này không phải là để ngăn chặn hành vi tấn công đang diễn ra xâm phạm các lợi ích chính đáng được Bộ luật hình sự bảo vệ (lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác) trong phòng vệ chính đáng; cũng như đe dọa *ngay tức khắc* các lợi ích đó trong tình thế cấp thiết, rõ ràng đây chính là cơ sở của phòng vệ chính đáng và của tình thế cấp thiết, chứ không phải là của việc gây thiệt hại trong khi bắt người phạm tội (thực tế là do phạm tội quả tang hoặc đang có lệnh truy nã). Ngoài ra, mục đích bắt các đối tượng này là nhằm chuyển giao họ cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân) [8], còn mục đích của chế định phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết là *loại trừ* sự nguy hiểm đang đe dọa hoặc trực tiếp đe dọa ngay tức khắc. Do đó, việc bổ sung trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự "*Gây thiệt hại hợp pháp khi bắt người phạm tội*" là cần thiết vì đây hành vi phù hợp

với lợi ích của xã hội, qua đó mới phát huy tinh thần chủ động đấu tranh ngăn chặn hành vi phạm tội và bắt giữ kịp thời những người đang lẩn trốn sự trừng trị của pháp luật, cũng như là "minh chứng về ý thức pháp luật và tính tích cực đối với trách nhiệm công dân của người bắt giữ..." [3]. Hơn nữa, thực tế cũng không nhiều người dũng cảm dám đứng ra ngăn chặn và bắt giữ các đối tượng này, đặc biệt sử dụng thuật ngữ "*người phạm tội*" để phản ánh thực tiễn lúc đó bất kỳ người dân nào cũng không thể biết trước đó là phạm tội quả tang hay đang bị truy nã, chỉ biết là họ là người phạm tội. Mặc dù vậy, để tránh sự tùy tiện, đòi hỏi việc sử dụng vũ lực gây thiệt hại cho người thực hiện tội phạm hoặc đang bị truy nã thì trong khi bắt họ phải là cách *duy nhất*, cũng như thực tế hoàn cảnh lúc đó đòi hỏi là việc làm bất đắc dĩ để người phạm tội không thể tiếp tục thực hiện tội phạm (nếu đang phạm tội quả tang) hoặc tiếp tục trốn tránh sự truy nã, tìm kiếm, săn bắt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu đang có lệnh truy nã). Như vậy, trình tự, thủ tục bắt người là của luật tố tụng hình sự, còn nội dung gây thiệt hại khi bắt người hợp pháp lại thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hình sự, nên cần thiết phải quy định trong Bộ luật hình sự.

* *Rủi ro trong sản xuất, nghiên cứu khoa học*. Hiện nay, trước sự phát triển, thay đổi như vũ bão của khoa học, công nghệ, kinh tế đòi hỏi các nhà khoa học, nhà sản xuất có những phát kiến, cải tiến, ứng dụng để đưa vào thử nghiệm với mục đích có lợi hơn, có ích hơn cho xã hội, cho cộng đồng (như: nâng cao năng suất lao động, đem lại hiệu quả cao trong sản xuất, giảm bớt chi phí, thời gian, công sức, nâng cao sức khỏe cho con người, an toàn cho cộng đồng, phục vụ tốt hơn cho an ninh quốc phòng, tiêu dùng, y học, bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững; v.v...) (Điều 3 Luật

Khoa học Công nghệ năm 2000). Tuy nhiên, trong quá trình đưa vào thử nghiệm những giải pháp, kiến nghị hay sáng kiến luôn chứa đựng sự rủi ro, mạo hiểm, nên có trường hợp đã gây thiệt hại cho xã hội, cho Nhà nước, song không vì thế mà các nhà khoa học không dám suy nghĩ, họ vẫn dám làm và dám chịu trách nhiệm để tiến hành. Do đó, để khuyến khích những ý tưởng mới, cải tiến chân chính, động viên sự sáng tạo của các nhà khoa học, mà mờ của các nhà sản xuất và khi họ đã áp dụng đúng các quy trình, tiêu chuẩn và yêu cầu ngặt nghèo về chỉ số an toàn nhưng do những xác suất rủi ro, sự cố ngoài mong muốn, ngoài tiên liệu và khả năng nhận thức, phòng ngừa của mình, thì dưới góc độ pháp lý, cần có hành lang an toàn cho họ yên tâm thử nghiệm, ứng dụng, song mục đích của các thử nghiệm, ứng dụng này chỉ duy nhất là *đem lại lợi ích thiết thực nhất cho xã hội*. Vì thế, nên quy định "*Rủi ro trong sản xuất, nghiên cứu khoa học*" là một trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự.

* *Thi hành quyết định của cấp trên*. Nói chung, bất kỳ người nào khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, nhận thức được tính trái pháp luật của hành vi, thì họ đương nhiên phải chịu trách nhiệm hình sự (dù thực hiện hành vi đó thực hiện theo mục đích gì, theo yêu cầu, quyết định của ai). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, khi thi hành quyết định (hoặc có thể là lệnh, mệnh lệnh, chỉ thị) của cấp trên (đối với cán bộ, công chức) có trường hợp người thi hành gây thiệt hại cho xã hội thì điểm đáng mừng đã được ghi nhận trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008 tại Điều 9 khi quy định nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ: "...5. *Chấp hành quyết định của cấp trên*. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải

có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Ngoài ra, quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình". Điều 11 còn quy định quyền của cán bộ, công chức được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ: "...5. *Được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ*". Còn trước đó, Nhà nước đã ghi nhận trong các văn bản về lực lượng vũ trang, quân sự khi đòi hỏi thực hiện tuyệt đối nguyên tắc "cấp dưới phải phục tùng cấp trên" đối với mệnh lệnh, chỉ thị hay quyết định⁽⁴⁾. Vì vậy, rõ ràng vấn đề này nên được điều chỉnh kịp thời trong Bộ luật hình sự. Hơn nữa, do tính chất bắt buộc của quyết định đó nên người thi hành quyết định thường tin tưởng vào quyết định của cấp trên vì việc thi hành là thực hiện mong muốn của người lãnh đạo, cấp trên của mình. Vì vậy, khi bổ sung trường hợp "*Thi hành quyết định của cấp trên*" vào trong Bộ luật hình sự đòi hỏi phải làm rõ một số vấn đề nhằm bảo vệ quyền lợi của cán bộ, công chức hoặc người thi hành mệnh lệnh trong lực lượng vũ trang, quân sự:

- Quyết định của cấp trên là *đúng* pháp luật - trường hợp này có *hai* khả năng sau:

+ Người thi hành quyết định của cấp trên đầy đủ, đúng phạm vi được giao và đúng pháp luật nhưng gây ra thiệt hại cho xã hội, thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự, do họ không có lỗi.

+ Người thi hành quyết định của cấp trên tự ý thực hiện hành vi vượt quá phạm vi được giao gây ra thiệt hại cho xã hội, thì họ phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả do hành vi vượt quá đó.

- Quyết định của cấp trên là *trái* pháp luật - trường hợp này có *ba* khả năng sau:

+ Người thi hành quyết định của cấp trên không biết được tính chất không đúng pháp luật của quyết định và cũng không có nghĩa vụ phải biết, thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự, do họ không có lỗi, còn người cấp trên phải chịu trách nhiệm hình sự.

+ Người thi hành quyết định của cấp trên biết được tính chất không đúng pháp luật của quyết định, mà họ vẫn thực hiện và gây ra thiệt hại cho xã hội, thì họ phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với cấp trên.

+ Người thi hành quyết định của cấp trên biết được tính chất không đúng pháp luật của quyết định, nên đã không thực hiện, thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự.

* *Những người đồng phạm khác được loại trừ trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội thái quá của người thực hành*. Hiện nay, các nhà làm luật chưa quy định trong Bộ luật hình sự vấn đề này. Do đó, nếu quy định trực tiếp vấn đề này thì không chỉ giải quyết rõ ràng trách nhiệm hình sự của người có hành vi thái quá, mà còn loại trừ trách nhiệm hình sự đối với những người khác khi họ không đồng phạm với người thực hành về hành vi này (mặc dù thực tiễn xét xử ở nước ta vẫn tồn tại). Vấn đề này, Điều 37 Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996, sửa đổi năm 2010 đã quy định tương đối rõ ràng [6]. Vì vậy, có thể học tập kinh nghiệm của Liên bang Nga, nên bổ sung một điều luật mới: *Điều 20a. Hành vi phạm tội thái quá của người thực hành trong đồng phạm* trong Bộ luật hình sự để giải quyết nội dung đã nêu.

⁽⁴⁾ Ví dụ: Điều 29 Luật Công an nhân dân năm 2005 quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân: "...2. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệnh Công an nhân dân, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; Điều 26 Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 quy định về nghĩa vụ của sĩ quan: "...3. Tuyệt đối phục tùng tổ chức, phục tùng chỉ huy; nghiêm chỉnh chấp hành điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội; giữ bí mật quân sự, bí mật quốc gia.

* *Hành vi giúp người khác đang mắc bệnh hiểm nghèo tự sát theo yêu cầu tự nguyện của người đó được loại trừ trách nhiệm hình sự.* Hiện nay, Nhà nước ta đang tiến hành sửa đổi, bổ sung, xây dựng và hoàn thiện Hiến pháp và hệ thống pháp luật theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó luôn đề cao việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, đặc biệt là quyền sống của con người. “Quyền được sống cũng đồng nghĩa với quyền được quyết định vận mệnh của mình” [9]. Tuy nhiên, mỗi người có quyền tự quyết định quyền được chết của mình hay không và người khác giúp mình được chết có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không là một vấn đề tranh luận không ngừng trên các diễn đàn và sách báo pháp lý trong và ngoài nước. Theo nội dung trong Từ điển Mỏ (<http://vi.wikipedia.org/wiki/>), quyền được chết là một quyền nhân thân của mỗi con người, nó phải bao hàm sự tự nguyện gồm tự nguyện được thực hiện cái chết êm ả khi còn tỉnh táo, có thể biểu lộ ý chí cá nhân của mình và tự nguyện chỉ định người đại diện cho mình trong trường hợp lúc rơi vào giai đoạn không ý thức, không biểu lộ được ý chí. Người này sẽ có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc chữa bệnh của bệnh nhân.

Cũng theo tài liệu này cho thấy, một số quốc gia đã cho phép công dân được chết theo nguyện vọng để đề cao tính nhân đạo, đạo lý “*nhân-quả*”, quyền sống và quyền chết là quyền của mỗi người. Hà Lan đã hợp pháp hóa việc tự tử với sự trợ giúp của bác sĩ và đến năm 2002 chính thức cho phép an tử, song cũng phải đáp ứng các điều kiện rất chặt chẽ mà không bị truy tố như: bệnh nhân phải có đơn xin rõ ràng (minh mẫn trong việc tự nguyện viết đơn) và là người mắc những bệnh vô phương cứu chữa, đau đớn tột cùng, không chịu đựng nổi; bác sĩ phải tham khảo ý kiến

của một đồng nghiệp độc lập trước khi thực hiện động thái này; hồ sơ được chuyển tới một hội đồng gồm luật sư, bác sĩ và chuyên gia đạo đức học, hội đồng có nhiệm vụ kiểm tra việc tuân thủ các quy định tối thiểu. Nếu không được tuân thủ, thì hồ sơ được chuyển tới Tòa án và bác sĩ có thể bị truy tố. Bệnh nhân từ 12 đến 16 tuổi cũng có quyền được “*chết êm ả*” nếu có sự đồng ý của cha mẹ. Đối với trẻ trên 16 tuổi, không cần phải có ý kiến của gia đình v.v...[10].

Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành có quy định *tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát* (Điều 101), trong đó, quy định hình phạt cao nhất có thể đến *bảy năm tù*. Tuy nhiên, để nhân đạo hóa hơn nữa trong Bộ luật hình sự nước ta, cũng như để tôn trọng và bảo vệ quyền con người, bao gồm cả quyền sống và quyền chết, giảm bớt gánh nặng về công sức, tiền bạc không chỉ cho gia đình người đó và cho xã hội, mà còn giải thoát cho bản thân người đó trước nỗi đau dày vò về thể xác và tinh thần, nếu họ là người đã thành niên, đang mắc bệnh hiểm nghèo, vô phương cứu chữa và cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận, hoàn toàn tỉnh táo tự nguyện đề nghị một người nào đó giúp mình tự sát, thì cũng cần mạnh dạn bổ sung vào Bộ luật hình sự vấn đề loại trừ trách nhiệm hình sự cho người giúp người khác tự sát đó. Quy định này mang ý nghĩa nhân văn, chứa đậm đạo lý con người, giảm bớt gánh nặng cho bản thân, gia đình và cho xã hội, nhưng đặc biệt cần kiểm sát chặt chẽ không dẫn đến “*kê hở*” của sự tùy tiện và vô nhân đạo, xâm phạm quyền con người. Do đó, vấn đề đã nêu nên trực tiếp sửa đổi vào Điều 101 Bộ luật hình sự.

f) Về kỹ thuật lập pháp hình sự:

- Để tránh trùng lặp với khoản 1 Điều 8, tên gọi của Chương III Bộ luật hình sự đổi thành “*Tội phạm và trách nhiệm hình sự*” cho đầy đủ và bao quát các nội dung trong Chương

này (các Điều 8-22), cũng như vấn đề trách nhiệm hình sự trong từng nội dung mang tính nguyên tắc của Phần chung - trường hợp nào phải chịu trách nhiệm hình sự, trường hợp nào không phải chịu trách nhiệm hình sự. Hiện nay, Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1997, sửa đổi năm 2005 cũng có một mục (Mục 1 - Tội phạm và trách nhiệm hình sự) trong Chương II với tên gọi như vậy.

- Căn cứ vào nội dung của từng trường hợp cụ thể mà có thể bổ sung cụm từ phản ánh hậu quả pháp lý "*được loại trừ trách nhiệm hình sự*" hoặc sửa đổi, nội dung cho phù hợp (chúng tôi kiến nghị sửa đổi, bổ sung trực tiếp vào từng điều luật trong phần sau).

- Trường hợp "Người bị ép buộc đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác - thì được coi là *không có tội* và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ (khoản 6 Điều 289 Bộ luật hình sự) là một trường hợp thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta. Tuy nhiên, có tác giả cho rằng, đây là một trường hợp đặc biệt gây thiệt hại do bị cưỡng bức về tinh thần và cũng có thể được xem như trường hợp đặc biệt của *trình thế cấp thiết*...[11]. Chúng tôi không tán thành quan điểm này, bởi lẽ, đúng là họ bị cưỡng bức về *tinh thần*,

nhưng suy cho cùng cũng là trường hợp không thỏa mãn *dấu hiệu lỗi*. Tội phạm là thể thống nhất giữa các dấu hiệu khách quan và dấu hiệu chủ quan, ở đây, người phạm tội đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không theo ý chí chủ quan, mong muốn của mình, họ bị khống chế, ép buộc làm một việc đó trái với xử sự tự do ý chí bình thường của mình. GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa hoàn toàn hợp lý khi viết: "Tự do là cơ sở của trách nhiệm và trách nhiệm chỉ đặt ra cho một người khi họ có sự tự do. Con người xử sự trái với lợi ích của Nhà nước, lợi ích của xã hội trong khi có tự do thì có nghĩa họ là người có lỗi. Trách nhiệm chỉ đặt ra khi có lỗi..." [12]. Do đó, để bảo đảm chính xác về mặt khoa học, nên sửa đổi cụm từ "*không có tội*" thành "*được loại trừ trách nhiệm hình sự*".

3. Những kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự

Như vậy, các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự cần sửa đổi, bổ sung như sau:

Bộ luật hình sự hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
Chương III Tội phạm Điều 8. Khái niệm tội phạm 4. Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác.	Chương III Tội phạm và trách nhiệm hình sự Điều 8. Khái niệm tội phạm 4. Hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm và <i>người thực hiện hành vi đó</i> được xử lý bằng các biện pháp <i>hành chính hoặc kỷ luật</i> khác.
Điều 11. Sự kiện bất ngờ Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội do sự kiện bất ngờ, tức là trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.	Điều 11. Sự kiện bất ngờ 1. Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội do <i>không có lỗi</i> , tức là trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì <i>được loại trừ</i> trách nhiệm hình sự.
Chưa quy định.	Điều 11a. Sự kiện bất khả kháng

	<p>Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội do không có lỗi, tức là trong trường hợp mặc dù có thể thấy trước hậu quả của hành vi đó, nhưng do hạn chế đặc biệt về tâm - sinh lý hay hoàn cảnh bức thiết mà không điều khiển hành vi của mình hoặc không còn biện pháp nào để ngăn chặn được hậu quả đó, thì được loại trừ trách nhiệm hình sự.</p>
<p>Điều 12. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự</p> <p>1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.</p> <p>2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.</p>	<p>Điều 12. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự</p> <p>1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, <i>trừ trường hợp điều luật trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự có quy định khác.</i></p> <p>2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.</p> <p>3. <i>Người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự.</i></p>
<p>Điều 13. Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự</p>	<p>Điều 13. Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự</p> <p>Giữ nguyên.</p>
<p>Điều 14. Phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác</p> <p>Người phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>Điều 14. Phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác</p> <p>1. Người phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Trường hợp một người gây thiệt hại cho xã hội trong tình trạng say hoặc dùng chất kích thích mạnh khác nhưng do bị ép buộc, dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì được loại trừ trách nhiệm hình sự.</p>
<p>Điều 15. Phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.</p> <p>Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.</p>	<p>Điều 15. Phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.</p> <p>Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm và người thực hiện hành vi đó được loại trừ trách nhiệm hình sự.</p> <p>Ngoài ra, các cơ quan có thẩm quyền cần có văn bản giải thích chính thức cụm từ "<i>cần thiết</i>" trong nội dung Điều luật này.</p>
<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 15a. Gây thiệt hại hợp pháp khi bắt người phạm tội</p> <p>1. Gây thiệt hại hợp pháp khi bắt người phạm tội là trường hợp một người đã có hành vi gây thiệt hại nhằm ngăn chặn khả năng thực hiện tội phạm mới hoặc trốn tránh sự truy nã, ần náu của</p>

	<p>người phạm tội, để giao họ cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nếu không còn cách nào khác và không vượt quá giới hạn các biện pháp cần thiết đối với hoạt động này.</p> <p>Hành vi gây thiệt hại hợp pháp khi bắt người phạm tội không phải là tội phạm và người thực hiện hành vi đó được loại trừ trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu đối với việc bắt người phạm tội và hoàn cảnh bắt giữ, thì người gây thiệt hại đó phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>
<p>Điều 16. Tình thế cấp thiết</p> <p>1. Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.</p> <p>Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm.</p>	<p>Điều 16. Tình thế cấp thiết</p> <p>1. Tình thế cấp thiết là <i>hành vi</i> của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.</p> <p>Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm và <i>người thực hiện hành vi đó được loại trừ trách nhiệm hình sự.</i></p>
Chưa quy định.	<p>Điều 16a. Rủi ro trong sản xuất, nghiên cứu khoa học</p> <p>1. Rủi ro trong sản xuất, nghiên cứu khoa học là trường hợp người thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội trong sản xuất, nghiên cứu khoa học, nhưng vì lợi ích của xã hội đã áp dụng đúng các quy trình, tiêu chuẩn, yêu cầu về chỉ số an toàn nhưng do sự cố ngoài tiên liệu và khả năng nhận thức, phòng ngừa của mình, thì được loại trừ trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Trường hợp rủi ro trong sản xuất, nghiên cứu khoa học gây ra thiệt hại rõ ràng là không có căn cứ, không đem lại lợi ích cho xã hội, cũng như đe dọa nghiêm trọng cho tính mạng, sức khỏe của con người, mỗi nguy cơ về thảm họa môi trường, bệnh dịch hoặc tai nạn cho xã hội, thì người thực hiện hành vi đó phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>
Chưa quy định.	<p>Điều 16b. Thi hành quyết định của cấp trên</p> <p>1. Trường hợp một người gây thiệt hại cho xã hội do bắt buộc phải thi hành quyết định của cấp trên, thì được loại trừ trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Trường hợp quyết định của cấp trên đúng pháp luật:</p> <p>a) Người thi hành quyết định trong phạm vi quyết định cho phép, nhưng gây ra thiệt hại cho xã hội thì được loại trừ trách nhiệm hình sự.</p> <p>b) Người thi hành quyết định tự ý thực hiện hành vi vượt quá phạm vi được giao gây ra thiệt hại cho xã hội, thì họ phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả do hành vi vượt quá đó.</p>

	<p>3. Trường hợp quyết định của cấp trên là trái pháp luật:</p> <p>a) Người thi hành quyết định không biết được tính chất trái pháp luật của quyết định và cũng không có nghĩa vụ phải biết, thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự, còn người cấp trên phải chịu trách nhiệm hình sự.</p> <p>b) Người thi hành quyết định biết được tính chất trái pháp luật của mệnh lệnh, mà vẫn thực hiện và gây ra thiệt hại cho xã hội, thì người này phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với cấp trên.</p> <p>c) Người thi hành quyết định biết được tính chất trái pháp luật của quyết định, nên đã không thực hiện, thì họ được loại trừ trách nhiệm hình sự.</p>
Chưa quy định	<p>Điều 20a. Hành vi phạm tội thái quá của người thực hành trong đồng phạm</p> <p>Người thực hành đã thực hiện một tội phạm nằm ngoài ý định của những người đồng phạm khác, thì người này phải chịu trách nhiệm hình sự. Những người đồng phạm khác không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội thái quá của người thực hành.</p>
<p>Điều 101. Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát</p> <p>1. Người nào xúi giục làm người khác tự sát hoặc giúp người khác tự sát, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.</p> <p>2. Phạm tội làm nhiều người tự sát thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.</p>	<p>Điều 101. Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát</p> <p>1. Người nào xúi giục làm người khác tự sát hoặc giúp người khác tự sát, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.</p> <p>2. Phạm tội làm nhiều người tự sát thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.</p> <p>3. Trường hợp giúp người đã thành niên đang mắc bệnh hiểm nghèo tự sát theo yêu cầu tự nguyện của người đó, thì người giúp người khác tự sát không phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>
<p>Điều 289. Tội đưa hối lộ</p> <p>6. Người bị ép buộc đưa hối lộ nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì được coi là không có tội và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.</p>	<p>Điều 289. Tội đưa hối lộ</p> <p>6. Người bị ép buộc đưa hối lộ nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì được loại trừ trách nhiệm hình sự, đồng thời được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.</p>

* * *

Tóm lại, từ ý kiến khoa học của một tác giả cho rằng: "*Pháp luật, dù có hoàn thiện đến mấy cũng không thể phản ánh và quy định hết được tất cả những hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống...*" [13], nên việc tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam nói chung, các quy định về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự nói riêng càng có ý nghĩa chính trị - xã hội và pháp lý, cũng như ý nghĩa lý luận và thực tiễn trước yêu cầu mới của đất

nước. Tuy nhiên, việc tiếp tục nghiên cứu, khảo sát, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận và thực tiễn của từng điều, khoản trong toàn bộ Bộ luật hình sự có vướng mắc, bất cập trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm mà chưa có điều kiện sửa đổi, bổ sung để chuẩn bị phương án cho việc ***sửa đổi toàn diện Bộ luật hình sự*** vẫn luôn là yêu cầu có tính thời sự hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Tư pháp, Đề cương định hướng sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự số 7724/ĐC-BSTBLHS(SĐ) ngày 24-9-2012 của Ban Soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi).
- [2] ThS. Đinh Văn Quế, Bình luận khoa học về loại trừ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2009, tr.9-10, tr.127-135.
- [3] GS. TSKH. Lê Văn Cẩm, Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005, tr.559-598.
- [4] PGS. TS. Kiều Đình Thọ, Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr.150-156.
- [5] ThS. Đinh Văn Quế, Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.52-80.
- [6] Trường Đại học Luật Hà Nội, Bộ luật hình sự Liên bang Nga, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.50, 52 và 54.
- [7] Tâm thần học, BS. Phạm Văn Đoàn và BS. Nguyễn Văn Siêm dịch, Nxb. "MIR" Matxcova và Nxb. Y học Hà Nội, 1980, tr.181-200.
- [8] Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003.
- [9] Nguyễn Quốc Việt, Chế định loại trừ trách nhiệm hình sự - Thực tiễn và đề xuất nhằm hoàn thiện chế định này trong Bộ luật hình sự, Kỳ yếu Hội thảo khoa học "Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự nhằm bảo vệ các quyền cơ bản của công dân trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam", Bộ Tư pháp và Viện KAS tổ chức, các ngày 22, 23-7-2013, Hà Nội, tr.17.
- [10] [Http://vi.wikipedia.org/wiki/quyenduocchet](http://vi.wikipedia.org/wiki/quyenduocchet).
- [11] TS. Nguyễn Tuyết Mai, Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự và một số khuyến nghị hoàn thiện, Tọa đàm khoa học "Kinh nghiệm của Ô-x-tơ-rây-li-a về việc hoàn thiện pháp luật hình sự và phương hướng sửa đổi Bộ luật hình sự Việt Nam", Bộ Tư pháp tổ chức, Hà Nội, 6, 7-6-2013, tr.45.
- [12] GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa, Tội phạm và cấu thành tội phạm, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.86.
- [13] GS. TSKH. Đào Trí Úc, Luật hình sự Việt Nam (Quyển I - Những vấn đề chung), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr.209.

Statutory Exclusion of Criminal Liability and The Requirements for Amendments and Supplements of Vietnam Penal Code

Trịnh Tiên Việt

VNU School of Law, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: On basis of studying of the status of the provisions of Penal Code of Vietnam on statutory exclusion for criminal liability, the author analyzes shortcomings and gives recommendations for amendments and supplements to complete these provisions, meeting the requirements of reality of the country.

Keywords: Exclusion of criminal liability; amendment of Vietnam Panel Code.